

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH
1174 - ĐƯỜNG LẮNG - ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272,539,389,662	321,589,952,491
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		138,255,325,900	36,140,042,928
Tiền	111	1	18,182,325,900	15,640,042,928
Các khoản tương đương tiền	112		120,073,000,000	20,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	47,118,250,401	104,885,360,220
Đầu tư ngắn hạn	121		47,118,250,401	104,885,360,220
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5,312,645,192	5,870,701,075
Phải thu khách hàng	131		2,219,898,981	3,261,068,190
Trả trước cho người bán	132		3,092,746,211	2,609,632,885
IV. Hàng tồn kho	140		74,109,933,449	133,757,113,752
Hàng tồn kho	141	4	77,336,967,236	136,984,147,539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,227,033,787)	(3,227,033,787)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,743,234,720	40,936,734,516
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-2,930,805,607	2,208,403,510
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4,562,951,943
Tài sản ngắn hạn khác	158		4,812,429,113	34,165,379,063
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61,660,240,409	35,347,072,235
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,174,216,124	11,756,419,547
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9,822,386,459	5,679,248,215
- Nguyên giá	222		16,459,140,353	11,344,631,939
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,636,753,894)	(5,665,383,724)
Tài sản cố định vô hình	227	10	66,972,617	92,087,348
- Nguyên giá	228		908,414,960	908,414,960
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(841,442,343)	(816,327,612)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	3,284,857,048	5,985,083,984
III. Bất động sản đầu tư	240	12	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		48,486,024,285	23,590,652,688
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2,786,088,452	1,617,752,688
Tài sản dài hạn khác	268		45,699,935,833	21,972,900,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		334,199,630,071	356,937,024,726

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		105,276,588,159	140,147,554,754
I. Nợ ngắn hạn	310		104,798,064,032	139,650,849,441
Phải trả người bán	312		91,213,967,582	103,065,872,774
Người mua trả tiền trước	313		847,149,516	1,504,847,717
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	4,361,467,913	5,813,208,784
Phải trả người lao động	315		4,574,846,523	7,840,724,809
Chi phí phải trả	316	17	1,919,292,915	2,901,037,200
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	1,786,674,915	18,148,863,777
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		94,664,668	376,294,380
II. Nợ dài hạn	330		478,524,127	496,705,313
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	19	478,524,127	496,705,313
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	228,923,041,912	216,789,469,972
I. Vốn chủ sở hữu	410		228,923,041,912	216,789,469,972
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		83,425,060,000	83,425,060,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		68,613,164,001	68,613,164,001
Cổ phiếu quỹ (*)	414		(6,175,395,640)	(6,175,395,640)
Quỹ đầu tư phát triển	417		424,368,000	424,368,000
Quỹ dự phòng tài chính	418		5,100,880,563	5,100,880,563
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		77,534,964,988	65,401,393,048
Nguồn kinh phí	432	23	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		334,199,630,071	356,937,024,726

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

PHAN QUANG TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



TRẦN XUÂN KIÊN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I- Năm 2012

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Đơn vị tính: VNĐ			
			SỐ KỶ NÀY NĂM NAY	SỐ KỶ NÀY NĂM TRƯỚC	SỐ LŨY KẾ KỶ NÀY NĂM NAY	SỐ LŨY KẾ KỶ NÀY NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	431,133,293,333	403,967,998,163	431,133,293,333	403,967,998,163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3,136,960,480	1,953,556,235	3,136,960,480	1,953,556,235
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		427,996,332,853	402,014,441,928	427,996,332,853	402,014,441,928
4. Giá vốn hàng bán	11	27	383,339,071,472	365,408,783,947	383,339,071,472	365,408,783,947
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44,657,261,381	36,605,657,981	44,657,261,381	36,605,657,981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4,778,381,983	4,062,917,094	4,778,381,983	4,062,917,094
7. Chi phí tài chính	22	28	-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		28,063,257,958	17,690,362,045	28,063,257,958	17,690,362,045
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,221,139,272	3,784,053,973	5,221,139,272	3,784,053,973
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,151,246,134	19,194,159,058	16,151,246,134	19,194,159,057
11. Thu nhập khác	31		140,982,897	38,212,509	140,982,897	38,212,509
12. Chi phí khác	32		29,215,959	296,969	29,215,959	296,969
13. Lợi nhuận khác	40		111,766,938	37,915,540	111,766,938	37,915,540
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,263,013,072	19,232,074,598	16,263,013,072	19,232,074,597
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4,129,441,132	4,808,018,649	4,129,441,132	4,808,018,649
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12,133,571,940	14,424,055,948	12,133,571,940	14,424,055,948
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Kế toán trưởng

PHAN QUANG TRƯỞNG



TRẦN XUÂN KIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

Quý I.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM NAY	LŨY KẾ KỲ NÀY NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ khách hàng	01		472,881,225,458	442,910,930,566
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(387,759,403,512)	(377,242,178,975)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(14,722,804,927)	(10,342,466,463)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5,813,208,743)	(5,104,088,503)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		174,304,292	235,361,025
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4,662,581,702)	(5,736,633,656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		60,097,530,867	44,720,923,993
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, XDTSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,086,021,501)	(1,315,355,568)
Tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	23		(36,917,681,070)	
Tiền thu từ việc rút tài khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 90 ngày	24		94,684,790,889	2,350,000,000
Thu lãi tiền gửi	27		4,485,025,787	4,719,944,872
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		58,166,114,105	5,754,589,304
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả cổ tức	36		(16,148,362,000)	(11,595,296,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,148,362,000)	(11,595,296,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		102,115,282,972	38,880,217,297
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		36,140,042,928	122,446,585,418
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	138,255,325,900	161,326,802,715

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng



PHAN QUANG TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



TRẦN XUÂN KIÊN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng thông tư số 210/2009/TT-BTC của bộ tài chính về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 01 năm 2011, công ty áp dụng phi hồi tố các qui định của thông tư số 210/2009/TT-BTC của bộ tài chính về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“thông tư 210”). Việc áp dụng thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc tính toán hay trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh của báo cáo tài chính được qui trình trong Thông tư 210 không yêu cầu các số liệu so sánh do việc áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

§ thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
§ nâng cấp cửa hàng	3 năm
§ phương tiện vận chuyển	6 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(p) Doanh Thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(u) Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Hàng hóa dịch vụ do công ty cung cấp chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành

(Y) Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

V Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Tiền mặt	1,373,359,763	931,684,324
- Tiền gửi ngân hàng	16,808,966,137	4,503,288,104
- Tiền đang chuyển	-	10,205,070,500
- Các khoản tương đương tiền	120,073,000,000	20,500,000,000
Cộng	<u>138,255,325,900</u>	<u>36,140,042,928</u>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền đơn vị tiền tệ khác VNĐ trị giá 6.205,05 USD tương đương 130,39 triệu VNĐ

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	47,118,250,401	104,885,360,220
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	<u>47,118,250,401</u>	<u>104,885,360,220</u>

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Phải thu khách hàng	2,219,898,981	3,261,068,190
- Trả trước cho người bán	3,092,746,211	2,609,632,885
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>5,312,645,192</u>	<u>5,870,701,075</u>

4 Hàng tồn kho

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Công cụ, dụng cụ	-	329,519,965
- Thành phẩm	-	1,607,006,028
- Hàng hóa	77,336,967,236	135,047,621,546
	<u>77,336,967,236</u>	<u>136,984,147,539</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3,227,033,787)	(3,227,033,787)
	<u>74,109,933,449</u>	<u>133,757,113,752</u>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số dư đầu năm	(3,227,033,787)	(2,792,327,979)
Tăng dự phòng trong năm	-	(434,705,808)
Số dư cuối năm	<u>(3,227,033,787)</u>	<u>(3,227,033,787)</u>
5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	4,562,951,943
Cộng	<u>-</u>	<u>4,562,951,943</u>
6 Phải thu dài hạn nội bộ	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Cho vay dài hạn nội bộ		
- ...		
- Phải thu dài hạn nội bộ khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>
7 Phải thu dài hạn khác	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận uỷ thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

08 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị dụng cụ quản lý VNĐ	Nâng cấp, sửa chữa siêu thị VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	168,026,610	3,172,697,744	4,073,246,232	3,930,661,353	11,344,631,939
Tăng trong kỳ	2,142,827,859	1,343,419,682	1,628,260,873	-	5,114,508,414
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang					-
Phân loại lại					-
Thanh lý					-
Số dư cuối kỳ	2,310,854,469	4,516,117,426	5,701,507,105	3,930,661,353	16,459,140,353
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5,600,887	2,470,228,475	2,440,826,851	748,727,511	5,665,383,724
Khấu hao trong kỳ	115,542,723	219,790,783	472,259,104	163,777,560	971,370,170
Phân loại lại					-
Thanh lý					-
Số dư cuối năm	121,143,610	2,690,019,258	2,913,085,955	912,505,071	6,636,753,894
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	162,425,723	702,469,269	1,632,419,381	3,181,933,842	5,679,248,215
Số dư cuối kỳ	2,189,710,859	1,826,098,168	2,788,421,150	3,018,156,282	9,822,386,459

10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành VNĐ	Bản quyền, bằng sáng chế VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	908,414,960	908,414,960
Mua trong kỳ				-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	908,414,960	908,414,960
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	816,327,612	816,327,612
Khấu hao trong kỳ				25,114,731	25,114,731
Giảm khác				-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	841,442,343	841,442,343
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	-	-	-	92,087,348	92,087,348
Số dư cuối kỳ	-	-	-	66,972,617	66,972,617

13- Đầu tư dài hạn khác:

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Đầu tư cổ phiếu		
- Đầu tư trái phiếu		
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
- Cho vay dài hạn		
- Đầu tư dài hạn khác		
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

14- Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số dư đầu năm	1,617,752,688	2,198,380,815
Tăng trong năm	1,671,740,023	1,172,211,045
Thanh lý	(25,508,125)	(29,375,112)
Phân bổ trong năm	(477,896,134)	(1,701,219,617)
Giảm khác		(22,244,443)
Số dư cuối năm	<u><u>2,786,088,452</u></u>	<u><u>1,617,752,688</u></u>

15- Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vay ngắn hạn		-
- Nợ dài hạn đến hạn trả		-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuế giá trị gia tăng	232,026,780	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,129,441,133	5,813,208,743
Cộng	<u><u>4,361,467,913</u></u>	<u><u>5,813,208,784</u></u>

17- Chi phí phải trả

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
Chi phí phải trả khác		
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Cổ tức phải trả	91,380,077	16,239,742,077
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,073,649,609	1,151,617,009
Doanh thu chưa thực hiện	509,801,390	628,226,847
Các khoản phải trả, phải nộp khác	111,843,839	129,277,844
Cộng	<u>1,786,674,915</u>	<u>18,148,863,777</u>

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Số dư đầu năm	496,705,313	566,396,250
Dự phòng sử dụng trong năm	(18,181,186)	(69,690,937)
Số dư cuối năm	<u>478,524,127</u>	<u>496,705,313</u>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2012</u>
Số dư đầu năm	5,985,083,984	-
Tăng Trong năm	-	6,733,869,994
Chuyển sang TSCĐ, chi phí trả trước dài hạn, chi phí trả trước ngắn hạn.	(2,700,226,936)	(748,786,010)
Xóa sổ		
Số dư cuối năm	<u><u>3,284,857,048</u></u>	<u><u>5,985,083,984</u></u>

12 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất				-
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác

20- Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
a - Vay dài hạn	-	-
b - Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

c- Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	31/03/2012			31/12/2011		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống						
Trên 1 năm đến 5 năm						
Trên 5 năm						

21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>-</u>	<u>-</u>

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỎ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/03/2012

22- Vốn chủ sở hữu**a- Bảng biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	58,011,480,000	68,613,164,001	(2,500,000)	424,368,000	3,268,517,815	48,881,575,255	179,196,605,071
Góp vốn/phát hành cổ phiếu	2,210,000,000						2,210,000,000
Phát hành cổ phiếu thưởng	23,203,580,000					(23,203,580,000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ						59,726,669,378	59,726,669,378
Phân bổ vào các quỹ					1,832,362,748	(1,832,362,748)	-
Cổ tức						(16,232,712,000)	(16,232,712,000)
Mua lại cổ phiếu quỹ			(6,172,895,640)				(6,172,895,640)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						(1,832,362,748)	(1,832,362,748)
Phân bổ khác						(105,834,089)	(105,834,089)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	83,425,060,000	68,613,164,001	(6,175,395,640)	424,368,000	5,100,880,563	65,401,393,048	216,789,469,972
Góp vốn/phát hành cổ phiếu							-
Phát hành cổ phiếu thưởng							-
Lợi nhuận thuần trong kỳ						12,133,571,940	12,133,571,940
Phân bổ vào các quỹ						-	-
Cổ tức						-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ						-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						-	-
Số dư tại Ngày 31 tháng 03 năm 2012	83,425,060,000	68,613,164,001	(6,175,395,640)	424,368,000	5,100,880,563	77,534,964,988	228,923,041,912

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ TRẦN ANH

Địa chỉ: 1174 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7666 666 Fax: (04) 7667 708

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/03/2012

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp của cổ đông	83,425,060,000	83,425,060,000
Vốn góp của các đối tượng khác		-
....		
Cộng	<u><u>83,425,060,000</u></u>	<u><u>83,425,060,000</u></u>
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm	226,150	226,150
* Số lượng cổ phiếu quỹ		
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	83,425,060,000	60,221,480,000
+ Vốn góp đầu năm	-	23,203,580,000
+ Phát hành cổ phiếu thưởng	-	-
+ Vốn góp tăng trong năm	83,425,060,000	83,425,060,000
+ Vốn góp cuối năm		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
d- Cổ tức		
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:.....		-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:.....		-
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:.....		-
đ- Cổ phiếu		
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tại ngày		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,342,506	8,342,506
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8,342,506	8,342,506
+ Cổ phiếu phổ thông	8,342,506	8,342,506
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	226,150	226,150
+ Cổ phiếu phổ thông	226,150	226,150
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,116,356	8,116,356
+ Cổ phiếu phổ thông	8,116,356	8,116,356
+ Cổ phiếu ưu đãi		-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND/1 Cổ phần

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Quỹ đầu tư phát triển	424,368,000	424,368,000
Quỹ dự phòng tài chính	5,100,880,563	5,100,880,563

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty theo quy định.

Quỹ dự phòng tài chính: Dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; bù đắp lỗ của Công ty theo quy định của Công ty CP Thế Giới Số Trần Anh

Quỹ khác: Theo quy định tại Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của Công ty Nhà nước và Quản lý vốn

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

23- Nguồn kinh phí

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
Chi sự nghiệp		
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

24- Tài sản thuê ngoài

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
(1)- Giá trị tài sản thuê ngoài	-	-
(2)- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn	-	-

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2011</u>
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	431,133,293,333	403,967,998,163
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	431,133,293,333	403,967,998,163
Doanh thu cung cấp dịch vụ		-
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2011</u>

26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	3,136,960,480	1,953,556,235
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	3,136,960,480	1,953,556,235
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2011</u>
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	427,996,332,853	402,014,441,928
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	427,996,332,853	402,014,441,928
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2011</u>
28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	383,339,071,472	365,408,783,947
Cộng	<u><u>383,339,071,472</u></u>	<u><u>365,408,783,947</u></u>
29- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,778,381,983	4,053,939,687
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	8,977,407
Cộng	<u><u>4,778,381,983</u></u>	<u><u>4,062,917,094</u></u>
30- Chi phí tài chính (Mã số 22)		
Lãi tiền vay	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4,129,441,132	4,808,018,649
Cộng	<u><u>4,129,441,132</u></u>	<u><u>4,808,018,649</u></u>
32- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

33- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>31/03/2012</u>	<u>31/03/2011</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	383,339,071,472	365,408,783,947
+ Nguyên vật liệu	383,339,071,472	365,408,783,947
Chi phí nhân công	13,602,812,530	9,158,808,752
Chi phí khấu hao(bao gồm khấu hao tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn)	1,474,381,035	1,281,379,249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,410,129,586	10,328,262,724
Chi phí khác bằng tiền	4,797,074,079	705,965,293
Cộng	<u><u>416,623,468,702</u></u>	<u><u>386,883,199,965</u></u>

34- Lãi cơ bản trên cổ phiếu**(a) lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào số lợi nhuận thuộc về các cổ đông sở hữu và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành và được thực hiện như sau:

(b) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	Giai đoạn 01/01/2012 đến 31/03/2012 <u>VNĐ</u>	Giai đoạn 01/01/2011 đến 31/03/2011 <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	12,133,571,940	14,424,055,948
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	<u><u>12,133,571,940</u></u>	<u><u>14,424,055,948</u></u>

(c) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 01/01/2012 đến 31/03/2012 <u>VNĐ</u>	Giai đoạn 01/01/2011 đến 31/03/2011 <u>VNĐ</u>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8,099,254	5,800,898
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mới phát hành trong năm		
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm		-
Phát hành cổ phiếu thưởng trong năm		2,320,358
Ảnh hưởng của số cổ phiếu mua lại trong năm		
Số lượng bình quân gia quyền	<u><u>8,099,254</u></u>	<u><u>8,121,256</u></u>

VII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VNĐ

35- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

<u>31/03/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
-------------------	-------------------

a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:

Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:

Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:

b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo.

c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

VIII- Những thông tin khác

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

PHAN QUANG TRƯỜNG

Tổng Giám đốc



TRẦN XUÂN KIÊN

